

Bút Ký

## Tháng Ba Đói (4)

GS Bút Xuân TRẦN ĐÌNH NGỌC

Người chết đói rải rác đã nhiều tháng. Một số nông dân sống sót sau này còn nói lại, khoảng giữa năm Quý Mùi (1943) đã có những làng bắt đầu chết đói tuy chỉ là thiểu số. Bà chị họ tôi, chị Uông, kể cho tôi nghe: *“Cậu ơi, thăm lắm cậu ạ. Không cứ là đến năm 45 mà ngay từ 43 đã có người chết đói. Gia đình bà cô tôi - vẫn lờ chị - ở một vùng thật xa chợ búa, làng xóm trong tỉnh Thái bình. Gia đình cả thầy gồm tám người, trước giờ vẫn cấy rẫy ruộng của chủ điền lấy thóc ăn. Như có được mùa thì cũng tạm đủ ăn một cách tằn tiện vì gia đình rất nghèo, không còn mối lợi nào khác. Cả gia đình chỉ có một chiếc tam bản mỗi tháng bơi ra phiên chợ Ninh mua vài thứ cần dùng rồi lại bơi về. Khoảng mùa thu năm 43, đến gần hai tháng không thấy người trong gia đình này ra chợ, một người thân bơi thuyền vào coi thì nhà cửa - chỉ là những căn lều - vẫn y nguyên nhưng cả tám người đã chết thối trong nhà. Khi đi kiểm soát thì thấy gạo thóc hết nhãn, người ta nghĩ là cả gia đình đã chết đói.”*

Chị Uông chấm dứt câu chuyện bằng những tiếng thở dài não ruột.



Qua năm 1944, có những gia đình cả nhà chết đói không còn làm ai ngạc nhiên. Những con người da bọc xương xuất hiện ngày càng nhiều. Vì hạn hán, vì sâu rầy cắn phá, chuột bọ tung hoành, vụ chiêm và vụ mùa năm 1944 đều mất gần như trắng tay. Nông dân Bắc Việt lâm vào tình thế cực kỳ nguy cấp. Giá sử hai vụ này được mùa cũng vẫn đói vì diện tích cây lúa đã bị thu hẹp hết 75%, nhường chỗ cho đay, gai. Nông dân chỉ còn trông vào việc bán đay, bán gai để mua gạo sống qua ngày. Nhưng đay bị chìm giá vì Pháp và Nhật biết, nếu họ không mua, nông dân Việt chỉ có cách vứt đi.

Từ thượng cổ, đay gai ở nước ta vẫn được dùng để đan võng, dệt chiếu, bện chèo bện thừng cho thuyền bè, làm rọ đựng các đồ dễ treo, đan thành dép đi trong nhà, lưới cá, vó bè vv... nhưng chỉ với số lượng nhỏ. Nay đay tràn ngập vì bị bắt buộc sản xuất, nhà nào cũng chỉ vỏ đay là vỏ đay, vỏ gai là vỏ gai, nếu Nhật, Pháp không mua thì chắc chắn chỉ có đổ đi. Chỉ bằng bán rẻ, bán tháo cho chúng lấy tiền đong gạo, đó chính là ước muốn của nông dân Bắc Việt, ngàn người như một lúc đó.

Cũng có một số người học thức hiểu biết tình hình, trong đó có vài tờ báo Việt ở Hà nội, Sài Gòn nêu lên viễn ảnh đen tối, người dân Bắc Việt sẽ chết hết nếu Chính phủ Nam triều không can thiệp với người Nhật và người Pháp đem lúa gạo từ miền Nam, vốn khi nào cũng dư dả, ra tiếp tế cho dân miền Bắc. Nhưng có lẽ chính phủ Nam triều đã quá chậm chạp hoặc thờ ơ, hoặc Pháp và Nhật lấy cơ phi cơ Mỹ oanh kích hàng ngày, các chuyến xe lửa từ Nam ra Bắc sẽ là mục tiêu tốt cho phi cơ Mỹ nên họ từ chối. Đây chỉ là những giả thiết vì người viết bài này không nắm được hay đọc được một văn bản nào hoặc một bài báo nào nói đến sự can thiệp của triều đình vua Bảo Đại cho thần dân Bắc kỳ của ông. Ngay cả sau khi gần 2 triệu dân Bắc Việt đã nằm xuống và những thời gian sau này, vua Bảo Đại không hề có một lời ân hận, chia buồn với những gia đình có người chết đói mà chính ông và chính phủ Nam triều của ông lúc đó trách nhiệm.

Mùa Đông năm Giáp Thân (1944), tai họa ghê gớm lên đến cao điểm. Mặc nhiên nó kéo sang mùa Xuân Ất Dậu (1945), càng ngày càng tệ, cho đến quá giữa năm 1945 khi có được những hạt thóc đầu tiên. Một buổi sáng, từ trong nhà bước ra đường, tôi tính tới nhà chị gái và anh rể tôi ở làng bên để thăm chị vì nghe tin chị bị bệnh. Đường xá vắng hoe. Người ta đi đâu hết thế này? Tôi thấy một người đàn ông khật khưỡng đi xiêu vẹo trong một cái ngõ, cách tôi chừng vài chục bước. Tôi không nhận ra người quen hay lạ vì trước mắt tôi là một bộ xương cách trí biết đi. Hai hố mắt sâu hoắm, đen sì như hai lỗ đáo, đầu trơ sọ, hai má tóp vào đến tận xương nhẵn nheo, dùm đó như cái mặt của con khỉ, manh áo rách để lộ rõ từng cái xương sườn, bụng bé tí chỉ một chẹn tay va đôi tay, đôi chân chỉ vừa bằng bốn cái xương đay, nhỏ đến nỗi tôi không thể ngờ được đó là chân, tay của một con người. Tôi cố nghĩ nhưng không nhận ra ai dù tôi biết từng người trong xóm. Thực sự lúc đó tôi cũng sợ. Bộ xương như con ma kia túm lấy tôi thì sao? Tôi vội đi khuất vào một bụi tre rồi cầm đầu đi thẳng.

Từ nhà tôi đến nhà chị gái, tôi gặp bốn đám đem người chết ra đồng chôn. Một cái chiếu cuộn lại, giấy cột hai đầu cho khỏi tuột, người chết được nằm trên một cái võng, cây tre xỏ vào, hai người khiêng đi. Người đi sau



cầm theo cái mai hay cái cuốc để bới đất. Người chết vì teo tóp hết thịt nên chỉ còn bộ xương khô, rất nhẹ, như người đàn ông tôi nói ở trên, gió thổi đổ và sẽ quỵ xuống bất cứ lúc nào, bất cứ ở đâu, chết ngay tại đó. Nếu không còn người thân ra kịp đem về nhà, chỉ một lúc là chó, mèo hoang hoặc chuột bọ, kiến bả đến ban xác kiếm những thứ chúng cần cho sự sống của chúng. Ra đến chỗ không nhà, không cửa, người cầm cuốc bới cái lỗ sâu khoảng cánh tay, bỏ bó chiếu xuống, vùi lại rồi về. Có những người đã kiệt lực vì đói, dù thương người thân nhưng không còn sức để đào lỗ cho sâu nên chỉ vùi khơi khơi, khi họ vừa ra về là chó mèo, chuột bọ đến bươi ra.

Ra đường rất ngại vì nguy hiểm nhưng giá có đi khắp làng, khắp tổng, đường xá cũng vắng hoe như tha ma mộ địa, chỉ loáng thoáng thấy đôi, ba người. Chợ không còn họp nữa vì có người đầu mà họp và lại họp thì ai bán, ai mua đây? Còn cái gì để bán? Có ai có tiền mà mua? Có một thứ cần mua nhất là gạo, thóc thì chẳng ai bán. Có đem bán nhà, bán đồ đạc không ai mua vì mua để làm gì trong khi cái mạng sống không biết có giữ cho được đến lúc có tiếp tế, có gạo thóc? Người dân nói với nhau mong tiếp tế bằng quơ từ Chính phủ tải lúa gạo trong Nam ra nhưng không ai đặt niềm tin vào Chính phủ Nam triều dưới quyền lãnh đạo của vua Bảo Đại mà người dân nghĩ ông đang còn mãi sẵn bán và liên hoan với những cô đầm Pháp xinh đẹp. Cũng chính bởi thế mà người dân Bắc Việt thù ghét triều đình Bảo Đại; khi ông Hồ chí Minh, từ ngày 19-8-1945 hô hào giành quyền Độc lập, truất phế quân chủ bù nhìn tay sai thực dân, người dân Bắc Việt đã không thối lùi theo thành một cao trào vì Dân tộc, vì Đất nước phá tan gông xiềng nô lệ mà vua Bảo Đại là một hình tượng đại biểu. Chẳng phải ông Hồ mà bất cứ lãnh tụ nào có chút uy tín hứa mang lại độc lập, tự do, cơm áo cho người dân Bắc Việt thì cũng được ủng hộ hết mình. Lòng căm thù chế độ Pháp thực dân và quân phiệt Nhật dày xéo nước Việt, gây nạn đói kinh hoàng cho toàn miền đã là động cơ khiến Việt Minh không cần phải tuyên truyền nhiều và vì thế trong công cuộc chiến đấu chống Pháp 1946-1954 hàng vạn thanh niên đã lao vào cái chết, ôm bom nhảy vào xe tăng Pháp, xung phong biển người... với mong ước dân tộc được sống, được phục sinh. Động cơ yêu nước là sức mạnh vũ bão mạnh hơn hết thảy, thiêu hủy hết thảy trên đường tiến của nó mà không một lời hứa hẹn hay tuyên truyền nào có thể sánh.

Trở lại với nạn đói. Trẻ nít chết hầu hết vì nhịn đói không nổi. Có những gia đình sau vụ đói, chỉ còn lại hai bố mẹ. Có gia đình người anh họ tôi, đàn con cả chục đứa đã lặng lẽ ra đi sau khi không kiếm được cái gì bỏ bụng, rau ngoài vườn, ngay đến gốc cải bắp, gốc mồng tơi cũng không còn. Tôi thấy nhiều người đi hái lá lười rần, cỏ gấu - những thứ xưa nay trâu bò cũng không ăn - và cỏ gà, luộc lên ăn đỡ. Củ chuối được chiếu cố tận tình, sau đến thân chuối cũng hết sạch. Có những người nhai cả gốc sắn hoặc củ sắn (khoai mì) bị mủ độc của sắn giết chết sau khi ăn. Có những người xuống sông, xuống ao mò tôm cá chẳng những đã không được con nào mà còn chết lạnh nổi lên ở dưới ao, hồ. Chuột quá nhanh khó bắt dù người muốn bắt mấy con ăn thịt. Chúng cũng quá đói vì không kiếm đâu ra đồ ăn nên kiếm hang kiếm ổ trú thân. Người chết không kịp chôn hay không có thân nhân, bỏ thối, bị chuột, chó mèo làm thịt, có khi người vẫn còn sống nhưng lực đã tàn. Súc vật và con người, bên nào khoẻ thì thắng. Bên thua bị làm đồ ăn cho bên thắng sống đỡ.

Chó mèo chủ không cho ăn nên bỏ nhà đi hoang kiếm ăn. Chủ tóm được cũng thịt luôn giải quyết cấp thời cái bao tử đã. Người đói quá đi lang thang một mình bị cả đàn chó đuổi cắn, chúng đã thành những con sói chỉ biết một qui luật của rừng xanh: "mạnh được yếu thua". Chúng ăn lẫn nhau không được vì bị đánh lại thì chúng kiếm những con mồi yếu thể chúng có thể thắng được. Chim chóc thưa vắng không biết chúng bay đi đâu cả. Có lẽ chúng cũng không kiếm được cái gì để ăn. Mọi khi buổi sáng, chích choè, chào mào, sáo hót líu lo; sẽ sà xuống sân từng đàn, vành khuyên nhảy nhót trên cành kêu nhỏ nhỏ. Giờ này tất cả vắng hoe, vắng ngắt như trong một cái địa ngục trần gian bắt mọi sinh vật câm tiếng, chết dần. Mỗi năm được mùa khi xưa đâu có cảnh này, cảnh lặng lẽ bi thương tang tóc này?



Các chi lớn tôi đều đã đi lấy chồng hết. Lúc đó chỉ còn anh trai, một chị kế tôi và tôi ở nhà với mẹ tôi. Tuy nhiên, đến lúc "khẩn trương", mẹ tôi phải gọi hai anh rể và hai chị gái tôi tới để nhà có đồng người mà phòng thủ, sợ những kẻ quá đói làm bậy sẽ đến cướp gạo thóc, chỉ còn đủ cầm hơi cho đến mùa tới. Chớm đói, học sinh các trường đã lác đác bỏ học. Rồi đến lúc các thầy giáo cũng bỏ trường. Lương không

thấy phát về mà gạo không có cho vợ con ăn, lòng dạ nào đến lớp? Giả sử có lương cũng không đào đâu ra gạo mà mua dù đắt như vàng. Bạn ra đường giờ ra cho một người đang đói, một tay là mấy lạng vàng đồ choé, tay kia một nắm cơm chỉ bằng cái trứng gà, người này xin bạn nắm cơm. Vàng, tiền và cả đồ đạc đã trở nên vô dụng.

Khi người Nhật chiếm đóng Đông Dương, người Pháp oải tay ra ngay, nhất là bên Pháp đang bị Đức xâm chiếm, Pháp không còn lòng dạ nào sẵn sóc vấn đề Học chính ở nông thôn. Chẳng phải chỉ Học chính mà nhiều vấn đề khác, Pháp coi như bỏ thí, chỉ còn lo cho mấy thành phố, vừa để kiểm soát, vừa có đồng kiều dân Pháp lưu ngụ, họ có nhiệm vụ phải bảo vệ. Chính bởi vậy, nông thôn chết như rạ mà thành phố vẫn tạm thời có gạo “bông” cấp phát mỗi tháng, còn cầm cự được cho đến mùa tới.

Thầy tôi đã tiên liệu được nạn đói sẽ xảy ra khi người dân Bắc Việt được lệnh bỏ lúa trồng đay, lệnh đã ban ra từ năm 1942 nhưng đến 1943 nông dân ta mới thi hành. Tuy còn nhỏ nhưng tôi đã nghe và hiểu được những nỗi lo âu của thầy mẹ tôi khi hai ông bà nói chuyện với nhau mỗi buổi tối về nạn đói sắp sửa xảy ra nhưng không biết rõ là vào lúc nào. Một mặt thầy tôi gửi tiền về cho mẹ tôi đóng trữ một ít thóc lúa, mặt khác ông cho đóng một ít gạo dự trữ ở trong nhà ở thành phố Hải Phòng. Thầy mẹ tôi trong mấy năm đó không dám chi tiêu chút gì ngoài những thứ thật cần thiết cho đời sống. Thầy tôi thích sửa nhà cửa, xây tường, xây cổng ngõ, đào ao thả cá, chơi hòn non bộ, cây cảnh, trồng hoa, nuôi khướu, nuôi nhồng, nuôi hoàng yến v.v...nhưng từ năm 1942, ý thức trận đói sắp đến sẽ vô cùng bi đát, thầy tôi rút hết lại không chiều theo sở thích nữa. Tôi nhớ ông thả chim đi, cho cá vàng và hòn non bộ những người bạn muốn nuôi, ông bảo mẹ tôi không để đất không trong mấy sào vườn mà trồng khoai, trồng sắn, trồng rau trong khi mấy mẫu ruộng mẹ tôi cho cấy rế cũng đã phải tuân lệnh bảo tá điền trồng đay.

Dù có tạm đủ lúa gạo cho gia đình tôi cho đến vụ mùa sang năm, người trong nhà cũng phải ăn tiết kiệm bữa cháo, bữa cơm vì chẳng biết sẽ đói đến bao giờ. Từ thuở bé tôi chưa từng phải ăn độn ngô khoai, nhưng lúc đó phải ăn tất mà lạ lùng là năm đói, ăn thứ gì cũng ngon, cũng mau tiêu hóa dù chỉ cơm với muối hay nước mắm. Nay chúng ta mới nghiệm ra ăn không có thịt cá (protein) như thế, mau đói là phải. Xóm giềng chết quang lờ ra. Mọi khi đằng trước nhà tôi là nhà của gia đình chú Am, gia đình cô Bông, gia đình anh Chát...; đằng sau, bên trái, bên phải cũng là những mái nhà, đồng đảo, vui vẻ sầm uất là thế mà giờ đây, trước mặt, sau lưng, bên đông bên tây nhà tôi đều đã chết sạch cả, nhiều căn nhà bỏ hoang, nhìn vào thấy rờn rợn như những oan hồn chết đói không thể siêu thoát vẫn còn lẫn lẫn với mái nhà thân yêu khi xưa gia đình xum họp. Mỗi buổi tối khi mặt trời sắp tắt là cổng ngõ, cửa nẻo đã phải đóng lại, gài then cho chắc. Người người đều ở trong nhà, tắt đèn nằm trong ổ rơm... chờ sáng; khi nào buồn ngủ thì ngủ. Anh trai tôi và hai người anh rể đã vỡ trang bằng gậy gộc, dao rừng; hề ăn cướp đến là phải liều chết đánh chứ biết sao. Nhưng rất may, cả vụ đói, nhà tôi không bị cướp tấn công mặc dù chúng biết nhà tôi còn một chút gạo cầm hơi. Mẹ tôi đã chia sẻ cho những người nghèo những gì bà có thể cho đến khi trong nhà đã kiệt quệ chỉ còn lại chút ít cho chính mình. Có lẽ vì vậy mà nhiều nhà trong tổng có máu mặt bị dân nghèo xông vào hôi của nhưng nhà thầy mẹ tôi thì không.

Bây mẹ con tôi nằm chung trong một cái ổ rơm, vừa bớt lạnh, vừa bớt sợ. Dù nhà đã có cổng ngõ xây và tường xây chắc chắn sành sành bên trên nhưng vì thổ đất quá rộng, có những chỗ hàng rào vẫn là bụi tre, kẻ gian có thể chặt tre chui vào. Hệ thống hành chánh an ninh xã, thôn tê liệt vì đói. Mạnh ai nấy lo, dù cướp trộm có đến viếng cũng chẳng còn ai chạy đến giúp mình. Trước kia đêm nào cũng có tuần đinh đi tuần rôn, canh gác, nhờ vậy kẻ gian không dám xuất đầu lộ diện. Giờ này, làng xóm như một bãi tha ma, đêm tối mịt mùng không thấy một đóm lửa, không một tiếng tù và, một tiếng chó sủa, mèo kêu mà thỉnh thoảng chỉ nghe mấy con cú mèo đến rúc nghe rợn tóc gáy. Một đêm, mẹ con tôi vừa ngủ được một giấc ngắn thì bỗng nghe mẹ gọi:

- Các con ơi! Nghe như có đũa nào đang chặt bấp cái ngoài vườn.

Chúng tôi nghe mẹ gọi đều thức giấc. Tôi nghe tiếng chặt rõ ràng ở vườn trước. Anh tôi nói:

- Để con với Vũ cầm gậy ra coi. Phải đánh cho nó chạy chứ!

Mẹ tôi bảo:

- Thôi, các con! Mẹ đoán kẻ ăn trộm là chú Giồng đó. Hồi chiều mẹ gọi chú cho chú vài bơ gạo, lại dẫn chú ra vườn chỉ hai cây cải bắp lớn bảo chú chặt đưa về cho con chú ăn. Chú ta nhìn xoi mới mấy cây cải bắp còn lại có ý thêm thuồng. Mẹ đoán chú chứ không ai đâu. Thôi kệ cho chú ta chặt, nhà ăn ít đi vậy. Vả lại, ra ngoài ban đêm rất nguy hiểm. Kẻ trộm có thể chém mình thoát thân, các con chưa đủ sức đương đầu.

Sáng sớm hôm sau, ra coi thì hơn chục cây cải bắp hôm qua chỉ còn lại vài cây nhỏ. Như mọi khi còn con Vàng, con chó đực mẹ tôi nuôi đã vài năm, đầu ăn trộm có thể tự tung tự tác như thế. Đói đã lâu nhưng mẹ tôi vẫn cố nuôi con Vàng vì thương nó. Chẳng riêng mẹ mà cả chúng tôi đều thương con Vàng. Mùa hè, tôi thường dẫn nó ra bên sông, lấy xà phòng tắm cho nó, nó để yên cho tắm. Xong tôi bơi ra giữa dòng nước và gọi nó, nó bơi ra. Khi tôi ném khúc gỗ dài hai gang tay sơn đỏ sang tuốt bờ sông bên kia là nó bơi sang ngoạm lấy đem về. Có khi tôi rải phía trước, nó lồm bồm bơi phía sau, dù xuôi hay ngược dòng. Một bữa trưa, mấy mẹ con ăn cơm, như thông lệ, tôi xúc một bát cơm trên mặt nồi, gọi nó cho nó ăn, sau đó tôi mới ngồi vào mâm. Nhưng gọi hoài không thấy nó xuất hiện, tôi ngó các gầm giường nơi nó hay nằm, không thấy, tôi ra vườn sau, ra vườn trước, chẳng tìm hơi. Tôi ra đường xem nó có tha thần ngoài đó không, tôi gọi "Vàng, Vàng". Vẫn biệt dạng. Tôi linh cảm có sự không hay xảy ra cho nó, liền cấp báo cho mẹ tôi và cả nhà. Mẹ và chúng tôi mỗi người một hướng, bỏ đi tìm con Vàng, bỏ cả bữa cơm chưa ăn nhưng biệt vô âm tín. Hỏi mấy người cùng xóm họ nói sáng nay có một bọn đàn ông lạ từ đâu đến không biết, tay cầm thòng lọng, thứ để bắt chó, tay cầm những cái cũi bằng tre đan thật dày để nhốt chó. Không biết có phải đám người này bắt chó của nhà tôi hay không?

- Thôi, tội nghiệp, mẹ tôi nói, có lẽ con Vàng đã bị bắt rồi.  
Mẹ con tôi trở về mà lòng buồn vô hạn, gần như vừa mất một người thân yêu trong gia đình.

Cũng vì mất con Vàng mà đàn gà cũng mất theo. Cũng trong thời kỳ tháng ba năm đó, đàn gà gần hai chục con mẹ tôi gầy từ một con gà trống và một con gà mái mà ra. Khi đói kém, mẹ tôi bảo chúng tôi, các con muốn ăn thịt con nào cứ bắt mà ăn, thóc để người ăn không đủ sao có thể nuôi gà. Thế là trong tuần đó, ngày nào anh tôi cũng vặt lông một con gà. Hình như kẻ trộm sợ chúng tôi ăn hết, một đêm, khoảng quá nửa đêm, mẹ tôi giật mình thức giấc vì tiếng gà kêu "quác quác" ngoài chuồng. Mẹ tôi đoán ra ngay có kẻ ăn trộm gà, nhưng cũng như vụ trộm rau, mẹ bảo chúng tôi kệ cho chúng lấy. Ra nguy hiểm. Dù sao kẻ gian cũng sợ người ngay, nhất là kẻ gian toàn những người xóm ngõ, quen biết, gia chủ nhìn mặt được thì quá xấu hổ nên chúng chỉ bắt bốn, năm con, còn để lại dăm, bảy con. Mẹ tôi cũng đoán ra được ai là kẻ ăn trộm gà, bà bảo chúng tôi nếu bây giờ vào nhà họ là thấy lông gà ở trong bếp ngay.

Có một gia đình mẹ góa con cô, mẹ tôi hết sức giúp đỡ nhưng cũng không qua khỏi tay thần Đói. Bác Nâu, tên ông chồng, xưa kia là chân sào đi bè cho ông nội tôi. Chuyên bè đó từ Việt tri về, nước lũ chảy xiết, bè dài cả cây số và nặng vậy mà nước cuốn đi băng băng, không nhanh mắt tránh các cù lao, các chỗ đường vòng là bè đập vào bờ hoặc tàu bè khác cũng đang đi trên sông, bè sẽ tan ra ngay và tan cả tàu bè của người ta. Bác Nâu đang đứng trên bè nhìn dòng sông chảy xiết, chợt cái khăn trên đầu bác bị gió thổi bay, bác vớ tay ra chụp lấy nó nhưng mất đà, bác lao xuống sông. Với một tay đi sông nước nhiều năm như bác Nâu, chỉ rải mấy cái là lại ôm được bè trôi lên, rất dễ dàng. Nhưng không hiểu sao, bác Nâu không nổi lên mà bị nước cuốn đi mất tăm mất dạng. Cả bè được báo động. Ba người xung phong nhảy xuống sông đi tìm bác Nâu, biết đâu bác tấp vào một cù lao hay bến bờ nào đó. Bè vẫn xuôi, như thông lệ khi có chuyện không may xảy ra, ba người này sau khi tìm ra tung tích bác Nâu, sẽ dùng đường bộ đuổi theo bè và lên bè. Nhưng hoàn toàn vô vọng. Những người làm nghề nói khúc sông đó có "rớt", năm nào hà bá cũng bắt đi ít nhất một người mới xong.

Ông bà nội tôi giúp bác Nâu gái một số tiền, lại hứa sẽ cho anh con cả đi bè thế bố nếu anh ta muốn. Khi ông bà nội tôi mất, chính mẹ tôi thường giúp đỡ gia đình này. Trần đói chụp xuống, bác Nâu vay vố, nhờ vả mẹ tôi đã nhiều nên ngại ngùng. Một bữa bác mang tới nhà cho mẹ tôi giấy tờ nhà đất để cầm cố lấy tiền về nuôi con. Mẹ tôi nói:

- Chị đừng nghĩ vậy. Em có dư thóc gạo thì em giúp chị nuôi các cháu chứ cầm nhà, cầm đất của chị làm gì? Gia đình em rồi đây cũng không biết có thóc gạo đủ cầm hơi đến mùa sang năm không. Nhà đất, ngay đến tiền bạc giờ này đều vô nghĩa hết chị à. Em còn nữa thúng thóc đây, chị đội về xay cho các cháu nấu cháo. Em dư dả em không tiếc chị đâu.

Bác Nâu gái khóc với mẹ tôi:

- Mợ đã quá tốt với chị và các cháu. Mợ cũng giúp mọi người như xưa hai cụ Trùm (ý nói ông bà nội tôi) còn sống. Nhưng mợ ạ, ăn hết chỗ này rồi lấy gì ăn tiếp mà sống đây? Mợ có lại nhà chị mợ thấy các cháu mợ mới rõ sự tình. Đứa nào đứa ấy gầy như cái xương đay, hai mắt lõm sâu. Mợ nhìn tôi là thấy.

Nói xong bác lại ngồi khóc. Mẹ tôi phải yên ủi:

- Thôi chị ạ. Tai trời ách nước, mọi người đều chịu chẳng phải riêng ai. Người ta chết nhiều lắm rồi. Em nghe người ta kéo nhau lên các thành phố ăn xin đông lắm vì ở thành phố Chính phủ còn bán gạo

bông mỗi tháng mỗi người cũng mua được mấy kí-lô. Hay chị và các cháu thử nghĩ xem con đường đó may có sống không?

- Tiền chỉ còn chút đỉnh, mẹ nghĩ 5 mẹ con tôi có lên được tỉnh không?"
- Chị ơi, em cũng rối ruột quá, chính gia đình em cũng không biết có ngày mai không. Nếu nhà em không tiếp tế từ Hải phòng về thì có lẽ mẹ con em cũng chết rồi.

Vài ngày sau đó, bác Nâu cùng 5 đứa con theo một gia đình khác lên tỉnh làm hành khất và mẹ tôi không còn gặp bác nữa. Sau vụ đói, có người ở tỉnh về kể chuyện cho mẹ tôi nghe là họ có gặp bác Nâu và hai đứa con, ba đứa đã chết, vài tuần sau bà ta trở lại khu đó hỏi thì người ta nói chị Nâu và hai đứa con còn lại cũng đã chết mấy ngày rồi.

Với những biến cố khác, người ta bán nhà cửa, đồ đạc lấy tiền sống tạm. Năm đói Ất Dậu, nhà cửa, ruộng đất bán không ai mua. Khi cái bao tử trống rỗng, người ta chỉ nghĩ đến cái gì có thể bỏ vào đó cho tạm yên sự đòi hỏi. Người đói có thể làm bất cứ hành động nào để giải quyết cho cái bức bách của bao tử. Trời rét cần rét lụn. Những người sống sót vụ đói năm Ất Dậu đề đồng ý sao năm đó rét quá. Có lẽ lạnh một phần vì thân thể đã hết chất thịt, chất mỡ, những chất sinh ra năng lượng. Cả thân thể chỉ còn da bọc xương nên càng cảm thấy lạnh. Những người canh điền làm việc ruộng nương ở quê tôi – cũng như hầu hết những vùng nông thôn khác – các anh ấy khỏe mạnh lắm. Nước da nâu dạn dày sương gió, các bắp thịt nở nang, nguyên cái bắp vế đã bự sụ, gân guốc, cặp đùi to như hai con lợn nhỏ, hai cánh tay cũng to, khỏe, ngực nở, vạm vỡ có thể vật ngựa một con bê, một con dê lớn hay một con nghé tròng tròng như chơi. Vậy mà bây giờ? Cái đói nó đã làm tiêu hao hết, rút cạn kiệt hết. Hai cẳng chân và hai cánh tay như hai ống sậy - người miền Bắc gọi là hai cái xương đay – cần cổ cũng rút lại như cái xương đay thì sao mà sống được. Canh điền làm ruộng cho mẹ tôi, anh Rói, có bữa anh ăn một hơi mười bát cơm dễ dàng. Chẳng phải cơm không mà còn thêm một tô canh lớn, thêm cà mắm, dưa chua tôm cá vv... Ăn nhiều như thế đến khi không có mà ăn là quỵ trước. Đây cũng là những kinh nghiệm của những người tù cải tạo với Cộng Sản.



Xóm tôi, xóm cây Bàng, lấy tên từ hai cây bàng trồng hai bên bến đá mà một trong hai cây ấy, chính tay tôi trồng. Nó lớn nhu thổi vì tôi mượn chú Điều trong xóm mót bùn sông lên bỏ cho nó. Xóm cây bàng trước trận đói có khoảng trên ba mươi nóc nhà. Có nhà anh em ở chung nên số gia đình khoảng trên bốn mươi. Vậy mà sau trận đói, số gia đình còn lại chỉ khoảng bảy, tám. Trong bảy, tám gia đình đó, chỉ khoảng năm gia đình là toàn vẹn. Ba gia đình kia đều có người chết đói. Vườn tược không còn thứ rau gì có thể ăn mà bỏ sót. Những cây mồng tơi già chỉ còn trơ mấy cái gốc vẫn được cắt về bếp luộc lên nhai. Những cụm rau sam đã hết sạch. Những cụm khoai môn, khoai ngựa, khoai ráy, những củ giông, củ chóc, ngay cả những củ nghệ, củ

gừng, củ địa liền, nói tóm lại tất cả mọi thứ có thể nhai nuốt vào bụng được chỉ trừ lá tre vì chỉ trâu bó mới ăn lá tre. Ngay như lá lười rần, chưa biết hay dở thế nào vẫn có người cắt đem luộc ăn, cho con ăn.

Trời cao đất dày ơi! Tôi biết phải tả làm sao để bạn đọc hình dung được, cảm nhận được, thấu hiểu được cái đói vắt ruột vắt tim kết liễu đời con người chỉ trong dăm, ba ngày mà là dăm ba ngày vô cùng đau khổ, thê thiết, tuyệt vọng? Khi chưa quá đói, có những người nấu cơm xong nắm từng nắm bằng nắm tay đem ra chợ bán. Thúng cơm vừa đặt xuống, lập tức có cả chục người nhào tới cướp, bỏ vào miệng, nuốt. Người đàn bà bán thúng cơm đành về tay không. Ngày mai, bà ta lại ra chợ với thúng cơm nắm như hôm nay nhưng có thêm hai người đàn ông cầm hai cây gậy tre đực già, đứng gác hai bên. Nhưng chỉ được mấy phút, cả vài hục người nhào vào cướp cơm. Những cây gậy phang xuống thân người không nương tay. Nhưng những người đang đói không còn nhìn thấy gì ngoài những nắm cơm. Họ thồn vào miệng, nuốt, không kịp nhai, nghẹn trợn con mắt. Hai cây gậy liên tục giáng xuống người họ như mưa bắc nhưng họ vẫn xông vào vồ những nắm cơm. Năm, bảy người chết lẫn ra cạnh đó vì trúng những đòn quá đau hoặc phải chổ nhược. Thúng cơm chưa thu về được đồng bạc nào nhưng trước mặt những người bán là những xác chết, đôi mắt trợn trừng, miệng còn miếng cơm nhai dở lẫn với máu làm đỏ nhoe miếng cơm, có xác vẫn chưa hoàn toàn chết hẳn. Chính mắt tôi cũng thấy người đàn bà nằm chết bên vệ đường, đứa con dăm, bảy tháng vẫn còn rúc vào vú mẹ, nút lấy chút sự sống. Và cảnh khác, xác người nằm chết bị chó đói, mèo, chuột đói làm thịt. Chúng nhai những mảnh da và cả những khúc xương.

(còn tiếp)

Bút Xuyên TRẦN ĐÌNH NGỌC